

Bản án số: 05/2024/HS-PT

Ngày: 09 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Võ Ngọc Thông

bà Trần Thị Kim Liên

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 588/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2024/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THỊ LÊ N, sinh ngày 13-7-1968 tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: **Tổ A, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Ngọc L** (*còn sống*) và bà **Lê Thị V** (*chết*); có chồng **Trần Xuân H** (*đã ly hôn*) và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất 1996); tiền sự: không;

Tiền án: ngày 22/11/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/11/2017. (Bản án số: 128/2017/HSST). Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt của bản án theo luật.

Về nhân thân:

Ngày 08/4/2008, bị Tòa án nhân thành phố Hà Nội xử phạt 09 (chín) tháng, 18 (mười tám) ngày tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. (Bản án số 151/2008/HSST).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/7/2023 tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Lê N: ông Trần Văn H1 - Luật sư Đoàn luật sư thành phố Đ theo yêu cầu của bị cáo; có mặt.

- Người bị hại:

1/ Ông Hồ Đình H2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2/ Ông Hồ Quang T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ I, phường X, quận T, TP Đà Nẵng; vắng mặt.

- Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2022, Nguyễn Thị Lê N đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối trong việc giúp người khác đấu giá đất và nhận được tiền chi phí từ việc lo thủ tục chuyển tiền từ nước ngoài về nhằm chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt của Hồ Đình H2 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và chiếm đoạt của Hồ Quang T 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Nguyễn Thị Lê N và anh Hồ Đình H2 quen biết vào năm 2014. Đầu tháng 3/2022, N gặp anh H2 và đưa ra thông tin gian dối là có dự án đất tái định cư H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đang chuẩn bị tổ chức đấu giá, N nói anh H2 tham gia và sẽ giúp anh H2 nộp hồ sơ được đấu giá lô đất tại dự án trên. N nói anh H2 góp 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), N góp 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), tin tưởng N nên anh H2 đồng ý. Sau đó, N yêu cầu anh H2 đặt cọc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để nộp cho Trung tâm đấu giá đất thành phố Đà Nẵng. Ngày 15/3/2022, anh H2 sử dụng số tài khoản 0421000445355 ngân hàng V2, chủ tài khoản Hồ Đình H2 chuyển vào tài khoản của N (số tài khoản 196868868 ngân hàng A, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê N) 500.000.000 đồng. Sau đó, N gửi qua Z cho anh H2 một File "Phiếu đăng ký đấu giá đất" và yêu cầu anh H2 in ra điền thông tin cá nhân của 02 vợ chồng anh H2 và nộp cho N. Ngày 16/3/2022, anh H2 đã điền thông tin và đưa Phiếu đăng ký đấu giá đất cho N. Khoảng 03 ngày sau, N nói với anh H2 là tiền cọc và hồ sơ đấu giá đất đã nộp.

Ngày 20/3/2022, N mượn anh H2 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và anh H2 chuyển vào tài khoản trên của N. Ngày 30/3/2022, N nói anh H2 phải nộp 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) tiền đấu giá đất còn lại, anh H2 chuyển thêm 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), cộng

với số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) Na mượn của H2 trước đó là đủ 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đến ngày 23/5/2022, N gặp anh H2 và tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là có dự án đất tái định cư H, quận L, thành phố Đà Nẵng chuẩn bị đưa ra đấu giá và nói anh H2 góp 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để nộp hồ sơ đấu giá đất. N nói đợt đấu giá lần này sẽ ra số với 02 (hai) lô đất đấu giá nói trên. Do không có tiền nên anh H2 đã nói với bạn là anh Hồ Quang T tham gia đấu giá đất. Ngày 24/5/2022, anh H2 đưa anh T đến gặp N và N nói với anh T là có lô đất thuộc dự án đất tái định cư H, quận L, thành phố Đà Nẵng chuẩn bị đưa ra đấu giá cần nộp thêm 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), sau khi nộp sẽ ra sổ luôn. Tin tưởng N nên anh T đồng ý tham gia đấu giá đất. N nói anh H2 in và đưa Phiếu đăng ký đấu giá đất cho anh T điền thông tin cá nhân vào đưa cho N đi nộp. Ngày 25/5/2022, sau khi nộp Phiếu cho N, anh T sử dụng số tài khoản 0934983920 ngân hàng S1, chủ tài khoản Hồ Quang T chuyển 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào số tài khoản 0421000445355 ngân hàng V2, chủ tài khoản Hồ Đình H2 và anh H2 chuyển 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào số tài khoản 0201000657831 ngân hàng V2, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê Na.

Sau khi anh H2 và anh T chuyển 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng nói trên) cho N, N nói sau 02 tháng sẽ có sổ. Khoảng 04 tháng sau vẫn chưa thấy có sổ nên anh H2 và anh T hỏi thì N tìm cách né tránh với nhiều lý do khác nhau... Anh H2 yêu cầu N cung cấp giấy thông báo nộp tiền đấu giá đất cũng như thông tin chủ sở hữu đất đấu giá nhưng N không cung cấp được và trốn tránh. Nghi ngờ về 02 dự án đất mà bà N đưa ra không có nên anh H2 và anh T đã trực tiếp đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng hỏi thì được biết không có dự án đất tái định cư Hòa Liên 5 và Hòa H3 đưa ra đấu giá, anh H2 và anh T biết đã bị lừa nên đã gửi đơn tố cáo Nguyễn Thị Lê N đến Cơ quan Công an.

Sau khi nhận 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) của anh H2 thì N đã sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

- Ngày 16/3/2022, N đã chuyển vào tài khoản số 0979255388 Ngân hàng Q1, chủ tài khoản Hoàng Thị N1 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) số tiền mà chị N1 đã chuyển cho N để mua đất trước đây.

- Ngày 24/3/2022, N chuyển vào số tài khoản 2000206457606 ngân hàng A1, chủ tài khoản Đặng Ngọc L1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trả tiền mua bốc phản bằng gỗ.

- Ngày 04/4/2022, N chuyển vào số tài khoản 4493837 ngân hàng A, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê N 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 06/4/2022 và ngày 07/4/2022 N chuyển vào số tài khoản 79796787979799 ngân hàng Q1, chủ tài khoản Võ Văn N2 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) trả nợ cho anh N2. (Hiện anh N2 không có mặt tại địa phương)

Sau khi nhận 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) từ anh T, N đã sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

- Ngày 25/5/2022, N rút tiền mặt 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Cùng ngày, N nộp tiền mặt 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) vào tài khoản số 252910005679679 ngân hàng Liên Doanh V3, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê Na. Ngày 01/6/2022, N rút tiền mặt 300.000.000 đồng. (Ba trăm triệu đồng)

- Ngày 26/5/2022, N chuyển vào số tài khoản 679568568 ngân hàng Á, chủ tài khoản Cty cổ phần TMDV XNK NHN DIAMONO do bà Nguyễn Thị Lê N làm Tổng giám đốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Ngày 26/5/2022, Na chuyển đến số tài khoản 252910005679679 ngân hàng Liên doanh V4, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê N 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày 26/5/2022, N rút tiền mặt 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

- Ngày 27/5/2022, Na chuyển đến số tài khoản 0101001178335 ngân hàng TMCP N5, chủ tài khoản Lê Thị P 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho chị P vay, hiện nay chị P đã trả lại cho N 79.000.000 đồng (Bảy mươi chín triệu đồng).

- Ngày 31/5/2022, N chuyển cho anh N2 (chưa rõ lai lịch) số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)

- Ngày 15/6/2022, N trả chủ Trần Liên H4 139.500.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng) số tiền này Trần Liên H4 gửi nhờ chuyển đùm cho con ở nước ngoài nhưng không gửi nên chuyển trả lại.

- Ngày 30/6/2022, N trả nợ tiền mượn anh Hồ Đình H2 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền vay mượn cá nhân.

- Ngày 04/7/2022, Na chuyển cho H5 Trần Thị Hồng H6 là nhân viên kế toán Cty 40.000.000 đồng để trả tiền hàng (Bốn mươi triệu đồng).

Đối với những lần rút tiền mặt, N không nhớ sử dụng vào mục đích gì.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt của ông Lê Hồng Q số tiền: 1.760.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Nguyễn Thị Lê N và ông Lê Hồng Q là người cùng quê, hàng xóm với nhau. Vì khó khăn nên đầu tháng 12/2021, ông Q có hỏi N có chương trình gì ở Đà Nẵng làm không để ông làm với. Lợi dụng lòng tin của ông Q, N đưa ra thông tin Đà Nẵng đang có chương trình đấu giá đất, trong đó có dự án đất tái định cư khu G, Na tự giới thiệu là bản thân được ưu tiên mua được 02(hai) lô góc, 01(một) lô có diện tích 186 m và 01(một) lô có diện tích 263 m², giá 01 m là 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm ngàn đồng), N có chụp ảnh gửi qua Zalo cho ông Q xem. Tin tưởng N nên ông Q đồng ý mua và đặt cọc cho lô đất có diện tích 186

m2. Na yêu cầu ông Q chuyển 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền cọc và chuyển nhanh số tiền còn lại để mua đất. Na cung cấp số tài khoản 196868868 ngân hàng Á, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê N cho ông Q và yêu cầu chuyển tiền vào số tài khoản này.

Do vợ chồng ông Q không sử dụng tài khoản ngân hàng nên đã nhờ những người sau chuyển khoản cho N với tổng số tiền 1.760.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu đồng), cụ thể:

- Nhờ anh Nguyễn Văn C sử dụng tài khoản số 19028786679888 ngân hàng T4 chuyển 190.000.000 đồng vào ngày 26/11/2021 và chuyển 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 03/12/2021 vào tài khoản của N.

- Nhờ chị Nguyễn Thị L2 sử dụng tài khoản số 19036960071013 ngân hàng T4 chuyển 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 22/12/2021 và chuyển 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) vào ngày 30/12/2021 cho N.

- Nhờ chị Dương Thị T1 sử dụng tài khoản số 04305265201 ngân hàng T5 chuyển 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) vào ngày 17/12/2021 cho N.

- Nhờ anh Phan Hữu T2 sử dụng tài khoản số 103819785555 ngân hàng V5 chuyển 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) cho N.

Sau khi nhận đủ số tiền từ ông Q, N nói với ông Q sau 01(một) tháng sẽ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, đến thời hạn nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Q hỏi thì N đưa ra nhiều lý do khác nhau và trốn tránh, ông Q yêu cầu N cung cấp giấy tờ liên quan đến lô đất trên cũng như cung cấp thông tin về chủ sở hữu lô đất nhờ N mua nhưng N không cung cấp được. Ông Q biết bị N lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã yêu cầu Na trả lại tiền nhưng N chỉ trả lại cho ông Q 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền còn lại Na chiếm đoạt và sử dụng mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

- Ngày 27/11/2021, N trả tiền mua dầu gội 1.150.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng). Ngày 29/11/2021, N trả tiền mua vé máy bay 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng). Ngày 07/12/2021, N trả tiền làm thủ tục chăm em bé tại R 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Ngày 31/12/2021, N trả tiền mua máy tính và điện thoại 34.690.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng).

- Ngày 27/11/2021, 7/12/2021, 15/12/2021, 21/12/2021 và 30/12/2021, Na chuyển đến số tài khoản 101869039325 Ngân hàng TMCP C3, chủ tài khoản Nguyễn Thị Lê N tổng cộng 408.000.000 đồng.

- Ngày 29/11/2021, 23/12/2021 và 05/01/2022, Na chuyển đến số tài khoản 2008206051018 ngân hàng A1, chủ tài khoản Hồ Thị Lan C1 tổng cộng 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

- Ngày 24/12/2021, Na chuyển đến số tài khoản 0201000224589 **ngân hàng TMCP N5**, chủ tài khoản **Nguyễn Thị Hương M** số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) trả nợ tiền đã vay của chị **M** trước đây.

- Ngày 24/12/2021, Na chuyển đến số tài khoản 7500116888888 **ngân hàng TMCP Quân Đội**, chủ tài khoản **Trần Quốc V1** số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) trả nợ tiền đã vay của anh **V1** trước đây.

- Ngày 24/12/2021 và ngày 05/01/2024, **N** thanh toán 02 lần tiền sâm, nấm, thuốc Hàn Quốc cho **Nguyễn Thị N3** tổng cộng 46.580.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng*).

- Ngày 29/11/2021, Na chuyển đến số tài khoản 56666268 **ngân hàng A**, chủ tài khoản **Trương Thành N4** số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) giúp Na đổi lấy tiền mặt.

- Ngày 04/01/2022, Na chuyển đến số tài khoản 3369697979 **ngân hàng S1**, chủ tài khoản **Hoàng Thị Hoa C2** 74.000.000 đồng (*Bảy mươi bốn triệu đồng*) tiền mua nội thất.

- Ngày 11/01/2022, Na chuyển đến số tài khoản 19036799569014 **Ngân hàng TMCP K**, chủ tài khoản **Nguyễn Thị L3** (không rõ lai lịch) mượn 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*)

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt của anh **Nguyễn Quốc T3** số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

Đầu năm 2022 anh **Nguyễn Quốc T3** và chị **Nguyễn Thị L2** thông qua mối quan hệ ngoài xã hội nên quen biết với **Nguyễn Thị Lê Na**. Ngày 13/8/2022, anh **T3** và chị **L2** đến Công ty của **N** ở **đường Đ** chơi, trong lúc ngồi chơi thì **N** nói với anh **T3** và chị **L2** là đợt tới có nguồn tiền lương từ Hàn Quốc về Việt Nam khoảng 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*), **N** nói để nhận được nguồn tiền đó thì phải bỏ ra chi phí lo thủ tục quan hệ 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*), hiện **N** đã có 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), còn thiếu 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), nếu tiền về được thì mỗi người nhận ít nhất là 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*), sau khi bỏ tiền ra lo chi phí thì 02(hai) tuần sau sẽ nhận được tiền từ Hàn Quốc về. Sau khi đưa ra thông tin đó thì **N** nói anh **T3** và chị **L2** góp tiền để lo chi phí, do không có tiền nên chị **L2** không tham gia.

Tin tưởng lời **N** nên anh **T3** đồng ý tham gia, **N** nói với anh **T3** tiền chi phí phải có trước ngày 15/8/2022. Đến ngày 15/8/2022, **N** gửi số tài khoản 4493837 **ngân hàng A**, chủ tài khoản **Nguyễn Thị Lê N** cho anh **T3** và yêu cầu chuyển tiền vào đó, cùng ngày anh **T3** đã chuyển vào số tài khoản trên của **N** 500.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền cho **N** nhưng đến hạn không thấy tiền về anh **T3** nhiều lần hỏi thì **N** đưa ra nhiều lý do khác nhau nhằm kéo dài, trốn tránh và chiếm đoạt số tiền này sử dụng vào mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

Ngày 17/8/2022, Na chuyển đến số tài khoản 252910005679679 **ngân hàng Liên Doanh V3**, chủ tài khoản **Nguyễn Thị Lê N** 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*) và từ số tài khoản này **N** chuyển cho các cá nhân sau:

- Ngày 19/9/2022, Na chuyển đến số tài khoản 43210000202585 **ngân hàng BIDV**, chủ tài khoản **Nguyễn Thị N3** 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) trả nợ tiền mua **S** và thực phẩm chức năng.

- Ngày 6/10/2022, Na chuyển đến số tài khoản 19026171710022 **ngân hàng K**, chủ tài khoản **Võ Thị H7** 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) cho **H7** vay. Hiện **H7** đã trả lại cho **N** số tiền này.

- Ngày 6/11/2022, Na chuyển đến số tài khoản 3708202574626 **ngân hàng A2**, chủ tài khoản **Nguyễn Hải Y** 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) trả nợ tiền vay của chị **Y** trước đây.

- Ngày 24/11/2022, Na chuyển đến số tài khoản 0801000264207 **ngân hàng TMCP N5**, chủ tài khoản **Nguyễn Ngọc H8** cho mượn 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), **H8** đã chuyển trả lại 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Số tiền **N** rút tiền mặt và tiền của các cá nhân vay có trả lại cho **N** thì **N** sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân, **N** không nhớ đã sử dụng vào mục đích gì.

Quá trình điều tra, **Nguyễn Thị Lê N** khai nhận đã nhận tiền của các bị hại nhưng không thừa nhận hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, với những tài liệu, chứng cứ thu thập được đủ chứng cứ để kết luận **Nguyễn Thị Lê N** đã đưa ra thông tin gian dối trong việc giúp người khác đầu giá đất và nhận được tiền chi phí từ việc lo thủ tục chuyển tiền từ nước ngoài về. Từ đó, bị can đã chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền là 4.260.000.000 đồng (*Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng*).

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2024/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Lê N** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

2.2. Căn cứ Điều 56 BLHS, Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” của Bản án số: 128/2017/HS-ST ngày 22/11/2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử (*đã có hiệu lực pháp luật thi hành*), Buộc bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (hai) bản án là: 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 22/07/2023.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

3.1. Bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông **Lê Hồng Q** số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*) và ông **Nguyễn Quốc T3** số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 30-9-2024 bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** kháng cáo với nội dung: bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội đối với ông **Hồ Đình H2** và ông **Hồ Quang T** và kháng cáo về phần xử lý vật chứng.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Thị Lê Na G** nguyên kháng cáo; trình bày lý do kháng cáo là số tiền 02 tỷ đồng liên quan ông **Hồ Đình H2** là thỏa thuận góp vốn vào Công ty của bị cáo và vay mượn giữa bị cáo và ông **H2**, khi nào có đầu giá đất thì thực hiện đầu giá. Đối với ông **Hồ Quang T** thì bị cáo **N** không quan biết. Bị cáo có chuyển khoản trả cho anh **H2**. Xem xét trả lại tài sản của bị cáo gồm 02 máy điện thoại di động (một hiệu sam sung và 01 hiệu vetu) bị cán bộ điều tra thu giữ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với đơn kháng cáo: Bản án hình sự sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ và không có cơ sở nên không chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*:

Bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** đã tạo ra cho bản thân mình là một doanh nhân thành đạt, có ảnh hưởng trong các mối quan hệ ngoài xã hội, từ đó lợi dụng vào

mối quan hệ thân thiết với những người bị hại để tự đưa ra những thông tin không có thật làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản nhằm mục đích chiếm đoạt. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, **Nguyễn Thị Lê N** đã nhiều lần đưa ra những thông tin gian dối trong việc giúp người khác đấu giá quyền sử dụng đất tại **Khu tái định cư H 5**, nhận chuyển quyền sử dụng 02 lô đất với giá rẻ tại Dự án đất tái định cư **khu G** và nhận được nguồn tiền lương từ Hàn Quốc chuyển về Việt Nam (*góp vốn chi phí từ việc lo thủ tục*). Từ những thông tin gian dối không đúng sự thật này làm cho các bị hại tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo, qua đó chiếm đoạt của anh **Hồ Đình H2** 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); chiếm đoạt của anh **Hồ Quang T** 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); chiếm đoạt của vợ chồng ông **Lê Hồng Q** 1.760.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng*) và chiếm đoạt của anh **Nguyễn Quốc T3** 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là: 4.260.000.000 đồng (*Bốn tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng*) sử dụng chi tiêu cho mục đích cá nhân.

Kháng cáo của bị cáo cho rằng số tiền 02 tỷ đồng là của anh **H2** và đây là hợp đồng dân sự, nhưng diễn biến vụ án cho thấy anh **H2** đã chuyển cho bị cáo 01 tỷ đồng theo các thông tin gian dối của bị cáo là nộp cho Trung tâm đấu giá đất thành phố Đà Nẵng để tham gia đấu giá đất tại các dự án không có thật. Anh **Hồ Quang T** đã tham gia cùng với anh **H2** và cũng đã nộp 01 tỷ đồng với mục đích là tham gia đấu giá quyền sử dụng đất. Nhưng sau khi nhận được 02 tỷ đồng thì bị cáo **N** đã chiếm đoạt. Ngày 30-6-2022 bị cáo có chuyển cho anh **H2** 100.000.000 đồng là chuyển trả nợ cá nhân khác, vì thời điểm này vẫn còn trong thời hạn mà bị cáo đưa ra là chờ kết quả đấu giá và anh **H2** chưa tố giác (03-01-2023). Các lần trả sau là khắc phục hậu quả và đã được Bản án sơ thẩm ghi nhận.

Bản án hình sự sơ thẩm quyết định bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xem xét về hình phạt:

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt nhiều lần tiền của 04 bị hại là thuộc trường hợp “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*”, đồng thời lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm ..*” theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả 2.360.000.000 đồng (*Hai tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng*) cho các người bị hại cụ thể trả cho ông **Hồ Đình H2** 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); ông **Hồ Quang T** 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*); ông **Lê Hồng Q** 260.000.000 đồng (*Hai trăm*

sáu mươi triệu đồng) và ông **Nguyễn Quốc T3** 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại ông **H2**, ông **T** đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ ruột của bị cáo là người có công cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương, kỷ niệm chương Ngành tình báo Quốc Phòng, Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp **Ngân hàng V6**, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt là đã có lợi cho bị cáo.

[4] Xem xét về xử lý vật chứng: Bản án sơ thẩm đã Căn cứ 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để quyết định tiếp tục thu giữ lưu tại hồ sơ vụ án 04 (bốn) Tờ phiếu đăng ký đấu giá đất là phù hợp với các vật chứng đã thu giữ khi khám xét. Bị cáo cho rằng đã thu giữ của bị cáo 02 điện thoại di động tuy nhiên theo các Biên bản bắt người đang bị truy nã và Biên bản khám xét không có thu giữ các loại tài sản này; do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[5] Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Các yêu cầu kháng cáo của bị cáo đều không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, việc thi hành án được thực hiện theo bản án sơ thẩm.

Về án phí: bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Thị Lê N**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2024/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: **Nguyễn Thị Lê N 09 (chín)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt **03 (ba)** năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” của Bản án số: 128/2017/HS-ST ngày 22/11/2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử (đã có hiệu lực pháp luật thi hành), buộc bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (hai) bản án là: **12**

(mười hai) năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 22-07-2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 04 (**bốn**) Tờ phiếu đăng ký đầu giá đất (*đã lưu giữ tại hồ sơ vụ án*).

4. Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Thị Lê N** phải chịu: 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long